



RSM DTL Auditing
Connected for Success

**CÔNG TY CỔ PHẦN
FIDITOUR**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014



RSM DTL Auditing
Connected for Success

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán	4 - 5
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2014	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 31

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

Địa chỉ: 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Fiditour (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Fiditour được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103003065 ngày 24 tháng 01 năm 2005 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 09 tháng 04 năm 2013.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 30.545.000.000 VND.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 gồm:

- Công ty Cổ phần Fiditour – Chi nhánh Cần Thơ
- Công ty Cổ phần Fiditour – Chi nhánh Chợ Lớn
- Công ty Cổ phần Fiditour – Chi nhánh Tân Bình
- Công ty Cổ phần Fiditour – Chi nhánh khách sạn Đặng Dung
- Công ty Cổ phần Fiditour – Chi nhánh khách sạn Hoàng Gia
- Công ty Cổ phần Fiditour – Chi nhánh khách sạn Tân Định
- Công ty Cổ phần Fiditour – Chi nhánh Hà Nội
- Công ty Cổ phần Fiditour – Chi nhánh Đà Nẵng
- Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Fiditour

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (kinh doanh lưu trú du lịch: khách sạn);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (môi giới vận tải, đại lý bán vé máy bay, tàu hỏa, tàu thủy), vận tải hàng hóa bằng đường bộ (đại lý vận chuyển hàng hóa);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục (tư vấn du học), giáo dục nghề nghiệp (đào tạo nghề);
- Điều hành tour du lịch (dịch vụ lữ hành nội địa và quốc tế), vận tải hành khách đường bộ khác (kinh doanh vận chuyển hành khách theo hợp đồng bằng ô tô);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (kinh doanh nhà hàng), bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá lưu động hoặc tại chợ (mua bán rượu, thuốc lá điều sản xuất trong nước);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (kinh doanh nhà ở, cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà làm việc), hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (quản lý dự án công trình công nghiệp, dân dụng).

2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Nguyễn Việt Hùng	Chủ tịch
Ông Phạm Thanh Bình	Phó Chủ tịch
Ông Đoàn Thiện Tánh	Ủy viên
Ông Đặng Trung Nghĩa	Ủy viên
Bà Lê Thị Hoàng Hà	Ủy viên
Ông Huỳnh Bá Lân	Ủy viên
Bà Thái Diệu Hà	Ủy viên

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

Địa chỉ: 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên

Chức danh

Ông Nguyễn Việt Hùng

Tổng Giám đốc

Ông Đoàn Thiện Tánh

Phó Tổng Giám đốc

Ông Đặng Trung Nghĩa

Phó Tổng Giám đốc

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

4. KIỂM TOÁN VIÊN

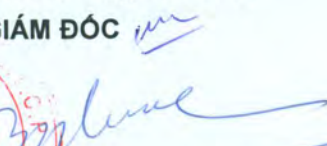
Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho các năm tài chính tiếp theo của Công ty.

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2015

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC


NGUYỄN VIỆT HÙNG



Số: 15.145/BCKT-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Fiditour (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20 tháng 03 năm 2015 từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Fiditour vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2015

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL

KT.TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐẶNG THỊ HỒNG LOAN

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0425-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN

PHẠM THỊ BÍCH HẠNH

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1505-2013-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		84.821.768.812	93.213.858.377
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	16.102.533.151	17.338.583.690
1. Tiền	111		15.802.533.151	17.038.583.690
2. Các khoản tương đương tiền	112		300.000.000	300.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5.2	41.044.750.461	41.240.143.023
1. Phải thu khách hàng	131		24.518.002.948	28.289.254.274
2. Trả trước cho người bán	132		14.754.255.696	10.895.754.902
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		1.772.491.817	2.055.133.847
6. Dự phòng khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		17.990.238.614	20.922.725.720
1. Hàng tồn kho	141	5.3	17.990.238.614	20.922.725.720
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.684.246.586	13.712.405.944
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.780.388.699	1.729.380.798
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.4	1.553.963.979	1.303.093.021
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	6.349.893.908	10.679.932.125

(Phần tiếp theo trang 06)

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		16.876.202.012	18.565.399.315
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	2.362.500
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	2.362.500
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		11.289.265.648	11.728.302.419
1. TSCĐ hữu hình	221	5.6	11.155.974.770	11.557.365.033
+ Nguyên giá	222		42.421.496.067	46.071.360.822
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(31.265.521.297)	(34.513.995.789)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.7	133.290.878	170.937.386
+ Nguyên giá	228		315.932.576	315.932.576
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(182.641.698)	(144.995.190)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.8	3.474.390.400	3.474.390.400
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		3.864.430.862	3.864.430.862
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(390.040.462)	(390.040.462)
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.112.545.964	3.360.343.996
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.395.721.564	2.903.519.596
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		716.824.400	456.824.400
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		101.697.970.824	111.779.257.692

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		59.817.084.390	66.068.455.150
I. Nợ ngắn hạn	310		41.385.173.119	48.836.270.294
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		300.000.000	445.000.000
2. Phải trả người bán	312	5.9	7.397.265.267	2.876.478.284
3. Người mua trả tiền trước	313	5.9	26.231.698.818	33.036.880.899
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		-	249.459.373
5. Phải trả người lao động	315		45.206.350	3.395.475.950
6. Chi phí phải trả	316		1.985.295.668	1.546.441.101
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.10	4.356.670.860	6.176.846.334
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.069.036.156	1.109.688.353
II. Nợ dài hạn	330		18.431.911.271	17.232.184.856
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		853.116.066	1.713.424.066
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.11	3.126.486.724	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	5.12	14.452.308.481	15.518.760.790
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		41.880.886.434	45.710.802.542
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.13	41.880.886.434	45.710.802.542
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		30.545.000.000	30.545.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		5.733.056.477	5.733.056.477
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.281.549.849	1.281.549.849
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		4.321.280.108	8.151.196.216
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		101.697.970.824	111.779.257.692

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

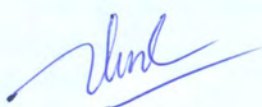
Mẫu số B 01 - DN

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Chỉ tiêu	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công, hàng viện trợ		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
+ USD		21.845,02	4.969,02
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU**KẾ TOÁN TRƯỞNG****TỔNG GIÁM ĐỐC****PHẠM THỊ THÙY LINH****LÊ THỊ HOÀNG HÀ****NGUYỄN VIỆT HÙNG**

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		487.357.700.862	587.725.953.643
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		627.165.250	707.006.734
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	486.730.535.612	587.018.946.909
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	458.350.079.340	551.552.827.309
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		28.380.456.272	35.466.119.600
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		206.086.309	803.899.616
7. Chi phí tài chính	22		207.272.083	393.403.515
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		127.742.555	72.054.700
8. Chi phí bán hàng	24	6.3	10.389.190.742	5.618.598.575
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.4	24.108.274.158	25.692.013.404
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(6.118.194.402)	4.566.003.722
11. Thu nhập khác	31	6.5	8.958.981.155	3.596.341.703
12. Chi phí khác	32	6.6	2.812.405.224	846.214.723
13. Lợi nhuận khác	40		6.146.575.931	2.750.126.980
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		28.381.529	7.316.130.702
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	3.797.638	1.851.392.901
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		24.583.891	5.464.737.801
18. Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phần	70	5.13.5	8	1.789

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2015

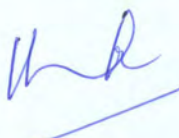
NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM THỊ THÙY LINH



LÊ THỊ HOÀNG HÀ




NGUYỄN VIỆT HÙNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		28.381.529	7.316.130.702
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		2.416.480.381	3.145.987.886
Các khoản dự phòng	03		-	229.773.100
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		79.228.051	(13.961.181)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.970.300.660)	(1.046.322.904)
Chi phí lãi vay	06		127.742.555	72.054.700
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(318.468.144)	9.703.662.303
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		4.202.679.684	4.576.258.385
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.932.487.106	5.539.990.829
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(9.365.915.483)	(19.718.417.286)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		1.456.790.131	43.190.306
Tiền lãi vay đã trả	13		(127.742.555)	(72.054.700)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	(1.995.340.711)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		70.445.000	129.350.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		600.308.000	(868.303.865)
	20		(549.416.262)	(2.661.664.739)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh				
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.466.961.273)	(114.784.546)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		5.256.462.430	515.454.564
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		203.355.893	778.121.783
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		992.857.050	1.178.791.801

(Phần tiếp theo trang 11)

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		12.013.615.008	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(9.032.128.284)	(100.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.581.750.000)	(6.484.965.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.600.263.276)	(6.584.965.500)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(1.156.822.488)	(8.067.838.438)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		17.338.583.690	25.392.460.947
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(79.228.051)	13.961.181
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		16.102.533.151	17.338.583.690

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM THỊ THÙY LINH

LÊ THỊ HOÀNG HÀ

NGUYỄN VIỆT HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

Địa chỉ: 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Fiditour (dưới đây gọi tắt là Công ty) được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103003065 ngày 24 tháng 01 năm 2005 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 09 tháng 04 năm 2013.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 30.545.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2014 gồm:

- Công ty Cổ phần Fiditour – Chi nhánh Cần Thơ
- Công ty Cổ phần Fiditour – Chi nhánh Chợ Lớn
- Công ty Cổ phần Fiditour – Chi nhánh Tân Bình
- Công ty Cổ phần Fiditour – Chi nhánh khách sạn Đặng Dung
- Công ty Cổ phần Fiditour – Chi nhánh khách sạn Hoàng Gia
- Công ty Cổ phần Fiditour – Chi nhánh khách sạn Tân Định
- Công ty Cổ phần Fiditour – Chi nhánh Hà Nội
- Công ty Cổ phần Fiditour – Chi nhánh Đà Nẵng
- Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Fiditour

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 408 (31/12/2013: 453).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (kinh doanh lưu trú du lịch: khách sạn);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (môi giới vận tải, đại lý bán vé máy bay, tàu hỏa, tàu thủy), vận tải hàng hóa bằng đường bộ (đại lý vận chuyển hàng hóa);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục (tư vấn du học), giáo dục nghề nghiệp (đào tạo nghề);
- Điều hành tour du lịch (dịch vụ lữ hành nội địa và quốc tế), vận tải hành khách đường bộ khác (kinh doanh vận chuyển hành khách theo hợp đồng bằng ô tô);
- Nhà hàng và các dịch vụ ău uống phục vụ lưu động (kinh doanh nhà hàng), bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá lưu động hoặc tại chợ (mua bán rượu, thuốc lá điều sản xuất trong nước);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (kinh doanh nhà ở, cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà làm việc), hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (quản lý dự án công trình công nghiệp, dân dụng).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

Địa chỉ: 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền.

4.4 Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.5 Hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

Địa chỉ: 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

Năm 2014

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 10 năm
+ Máy móc thiết bị	06 – 11 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	07 – 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 08 năm

4.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính, cụ thể như sau:

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

4.8 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính.

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản chứng khoán đầu tư tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

4.9 Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: căn cứ vào Điều lệ của Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị thông qua Đại hội đồng cổ đông.

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam

4.10 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

Địa chỉ: 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

4.11 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.12 Thuế

- Thuế thu nhập doanh nghiệp

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành
Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 22%.

- Các loại thuế khác: Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.13 Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính, tài sản dài hạn khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay, chi phí phải trả.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.14 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	2.243.169.311	6.277.445.705
Tiền gửi ngân hàng	13.559.363.840	10.761.137.985
Các khoản tương đương tiền	300.000.000	300.000.000
Tổng cộng	16.102.533.151	17.338.583.690

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

Địa chỉ: 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	24.518.002.948	28.289.254.274
Trả trước cho người bán	14.754.255.696	10.895.754.902
Các khoản phải thu khác	1.772.491.817	2.055.133.847
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	41.044.750.461	41.240.143.023
Dự phòng khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	-	-
Giá trị thuần của các khoản phải thu	41.044.750.461	41.240.143.023

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty. Phải thu khách hàng được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu từ hoạt động hướng dẫn du lịch	6.434.978.873	9.646.463.339
Phải thu từ hoạt động bán vé máy bay	17.148.716.833	17.767.544.761
Phải thu từ hoạt động khác	934.307.242	875.246.174
Tổng cộng	24.518.002.948	28.289.254.274

5.3. Hàng tồn kho

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	1.485.497	2.323.539
Công cụ, dụng cụ	415.961.127	430.370.218
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	17.503.248.440	20.414.436.334
Hàng hóa	69.543.550	75.595.629
Cộng giá gốc hàng tồn kho	17.990.238.614	20.922.725.720
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện	17.990.238.614	20.922.725.720

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang chủ yếu là tập hợp chi phí của các tour du lịch chưa được quyết toán.

5.4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	599.415.372	603.213.010
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	430.098.202	313.094.458
Các loại thuế khác	524.450.405	386.785.553
Tổng cộng	1.553.963.979	1.303.093.021

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

Địa chỉ: 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

5.5. Tài sản ngắn hạn khác

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tạm ứng	6.349.893.908	10.609.487.125
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	70.445.000
Tổng cộng	6.349.893.908	10.679.932.125

Tạm ứng cho nhân viên liên quan đến hoạt động của phòng vé và bộ phận lữ hành.

(Phần tiếp theo trang 18)

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

Địa chỉ: 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	VND Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	29.707.312.636	4.497.687.950	9.533.673.720	2.332.686.516	46.071.360.822
Mua trong năm	-	-	4.293.961.273	173.000.000	4.466.961.273
Thanh lý	-	-	(8.115.071.621)	-	(8.115.071.621)
Giảm khác	(1.754.407)	-	-	-	(1.754.407)
Số dư cuối năm	29.705.558.229	4.497.687.950	5.712.563.372	2.505.686.516	42.421.496.067
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	23.451.261.307	3.496.743.755	5.995.074.911	1.570.915.816	34.513.995.789
Khấu hao trong năm	1.398.917.065	33.095.032	747.444.335	199.377.441	2.378.833.873
Thanh lý	-	-	(5.625.553.958)	-	(5.625.553.958)
Giảm khác	(1.754.407)	-	-	-	(1.754.407)
Số dư cuối	24.848.423.965	3.529.838.787	1.116.965.288	1.770.293.257	31.265.521.297
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	6.256.051.329	1.000.944.195	3.538.598.809	761.770.700	11.557.365.033
Tại ngày cuối năm	4.857.134.264	967.849.163	4.595.598.084	735.393.259	11.155.974.770

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay dài hạn là 4.222.395.252 VND – Xem thêm mục 5.9.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 19.826.248.529 VND.

Thu nhập khác và chi phí khác phát sinh liên quan đến thanh lý tài sản cố định xem thêm mục 6.5 và 6.6

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

Địa chỉ: 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

5.7. Tài sản cố định vô hình

	VND
Khoản mục	Phần mềm
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	315.932.576
Số dư cuối năm	315.932.576
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	144.995.190
Khấu hao trong năm	37.646.508
Số dư cuối năm	182.641.698
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	170.937.386
Tại ngày cuối năm	133.290.878

5.8. Đầu tư dài hạn khác

	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu	348.400	3.864.430.862	348.400	3.864.430.862
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	-	(390.040.462)	-	(390.040.462)
Cộng	348.400	3.474.390.400	348.400	3.474.390.400

5.9. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	7.397.265.267	2.876.478.284
Người mua trả tiền trước	26.231.698.818	33.036.880.899
Tổng cộng	33.628.964.085	35.913.359.183

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

Người mua trả tiền trước chủ yếu là các khoản nhận tiền trước từ khách hàng thuộc hoạt động lữ hành.

5.10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN	744.236.084	601.729.575
Cổ tức phải trả	1.527.250.000	3.054.500.000
Phải trả tiền hoàn vé máy bay	929.548.495	1.384.790.480
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.155.636.281	1.135.826.279
Tổng cộng	4.356.670.860	6.176.846.334

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

Địa chỉ: 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

5.11. Vay và nợ dài hạn

Vay dài hạn ngân hàng là các khoản vay có thời hạn 60 tháng với lãi suất 10,5%/năm, có số dư nợ gốc đến 31/12/2014 là 3.126.486.724 VND. Khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình là hai xe ô tô với giá trị còn lại là 4.222.395.252 VND - Xem thêm mục 5.6.

5.12. Doanh thu chưa thực hiện

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Dịch vụ hướng dẫn du lịch	14.396.517.832	14.512.074.161
Dịch vụ bán vé máy bay và dịch vụ hàng không	-	700.269.356
Dịch vụ ăn uống	-	12.090.912
Dịch vụ cho thuê mặt bằng nhận trước	46.999.727	292.886.361
Hoạt động khác	8.790.922	1.440.000
Tổng cộng	14.452.308.481	15.518.760.790

(Phần tiếp theo trang 21)

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

Địa chỉ: 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

5.13. Vốn chủ sở hữu

5.13.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	VND Cộng
Số dư đầu năm trước	30.545.000.000	5.733.056.477	1.844.248.600	9.391.357.473	47.513.662.550
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	5.464.737.801	5.464.737.801
Chia cổ tức	-	-	-	(6.109.000.000)	(6.109.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Sử dụng quỹ	-	-	(562.698.751)	-	(562.698.751)
Giảm khác	-	-	-	(95.899.058)	(95.899.058)
Số dư đầu năm nay	30.545.000.000	5.733.056.477	1.281.549.849	8.151.196.216	45.710.802.542
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	24.583.891	24.583.891
Chia cổ tức	-	-	-	(3.054.500.000)	(3.054.500.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(800.000.000)	(800.000.000)
Số dư cuối năm	30.545.000.000	5.733.056.477	1.281.549.849	4.321.280.108	41.880.886.434

(Phần tiếp theo trang 22)

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

Địa chỉ: 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

5.13.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Vốn góp của Nhà nước	6.000.000.000	6.000.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	24.545.000.000	24.545.000.000
Tổng cộng	30.545.000.000	30.545.000.000

5.13.3. Cổ tức

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 ngày 24/04/2014, Công ty thống nhất chi trả cổ tức năm 2014 theo tỷ lệ là 10%/cổ phiếu (1 cổ phiếu được nhận 1.000 VND) cho cổ đông Công ty theo danh sách cổ đông do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp tại thời điểm chi trả.

5.13.4. Cổ phần

	Năm nay	Năm trước
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	3.054.500	3.054.500
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	3.054.500	3.054.500
▪ Số lượng cổ phần đang lưu hành	3.054.500	3.054.500
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần		

5.13.5. Lãi cơ bản trên cổ phần

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi/(Lỗ) sau thuế của cổ đông của Công ty	24.583.891	5.464.737.801
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	3.054.500	3.054.500
Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phần (EPS)	8	1.789

5.13.6. Phân phối lợi nhuận

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	8.151.196.216	9.391.357.473
Lợi nhuận sau thuế trong năm	24.583.891	5.464.737.801
Chia cổ tức	(3.054.500.000)	(6.109.000.000)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(800.000.000)	(500.000.000)
Khác	-	(95.899.058)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	4.321.280.107	8.151.196.216

(Phần tiếp theo trang 23)

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

Địa chỉ: 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ hướng dẫn du lịch	259.448.182.947	210.039.223.485
Doanh thu bán vé máy bay và dịch vụ hàng không	187.851.408.591	310.407.125.924
Doanh thu tour F&E	9.783.833.478	9.057.273.933
Doanh thu cung cấp dịch vụ khách sạn	8.427.577.197	8.616.195.687
Doanh thu cung cấp dịch vụ ăn uống	2.755.740.878	5.503.661.117
Doanh thu cho thuê mặt bằng	8.441.926.266	5.674.671.750
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận chuyển	8.476.805.268	18.926.750.034
Doanh thu từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	-	14.914.737.811
Doanh thu hoạt động khác	2.172.226.237	4.586.313.902
Hàng bán bị trả lại	(566.442.941)	(625.702.117)
Thuế tiêu thụ đặc biệt	(60.722.309)	(81.304.617)
Doanh thu thuần	486.730.535.612	587.018.946.909

6.2. Giá vốn hàng bán

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của dịch vụ hướng dẫn du lịch	242.079.907.123	193.128.996.979
Giá vốn của hoạt động bán vé máy bay và dịch vụ hàng không	184.014.858.367	305.640.791.983
Giá vốn tour F&E	9.049.765.710	8.337.468.812
Giá vốn của dịch vụ khách sạn	3.623.021.619	4.337.730.829
Giá vốn của dịch vụ ăn uống	2.999.477.107	5.612.718.464
Giá vốn của hoạt động cho thuê mặt bằng	2.275.715.277	2.290.606.435
Giá vốn của dịch vụ vận chuyển	7.282.666.414	16.955.661.281
Giá vốn của hoạt động chuyển nhượng bất động sản	-	7.509.166.209
Giá vốn của hoạt động khác	1.440.631.578	1.447.531.274
Giá vốn kinh doanh chung	5.584.036.145	6.292.155.043
Tổng cộng	458.350.079.340	551.552.827.309

6.3. Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng chủ yếu là chi phí giới thiệu, quảng cáo.

(Phần tiếp theo trang 24)

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

Địa chỉ: 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

6.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	17.300.942.872	17.897.149.304
Chi phí vật liệu quản lý	738.165.828	462.098.953
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.377.930.931	1.061.235.124
Chi phí dịch vụ mua ngoài	701.416.863	2.186.465.034
Chi phí bằng tiền khác	3.989.817.664	4.085.064.989
Tổng cộng	24.108.274.158	25.692.013.404

6.5. Thu nhập khác

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu phạt hoàn vé máy bay	1.611.011.337	2.158.158.771
Thưởng của hãng vé máy bay	450.090.606	100.842.754
Thanh lý tài sản cố định	5.522.449.091	515.454.564
Thu nhập khác	1.375.430.121	731.776.524
Tổng cộng	8.958.981.155	3.596.341.703

Tài sản cố định được thanh lý trong năm là phương tiện vận tải – Xem thêm mục 5.6

6.6. Chi phí khác

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thanh lý tài sản cố định – Xem thêm mục 5.6	2.755.504.324	294.001.973
Khác	56.900.900	552.212.750
Tổng cộng	2.812.405.224	846.214.723

6.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	28.381.529	7.316.130.702
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	89.228.051	279.900.555
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	(100.347.588)	(206.422.960)
Trừ thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản	-	(7.405.571.602)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	17.261.992	(15.963.305)
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	22 %	25 %
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	3.797.638	-
Cộng khoản thuế TNDN từ chuyển nhượng bất động sản	-	1.851.392.901
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm	3.797.638	1.851.392.901

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí được trừ khi tính thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

Địa chỉ: 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

6.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.081.526.582	7.608.993.301
Chi phí nhân công	44.938.431.709	47.442.985.484
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.416.480.381	3.145.987.886
Chi phí dịch vụ mua ngoài	430.929.387.184	500.624.498.733
Chi phí khác bằng tiền	9.481.718.383	24.040.973.884
Tổng cộng	492.847.544.240	582.863.439.287

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Dịch vụ hướng dẫn du lịch
- Bán vé máy bay và dịch vụ hàng không
- Dịch vụ nhà hàng, khách sạn
- Dịch vụ vận chuyển
- Chuyển nhượng bất động sản
- Dịch vụ khác

(Phần tiếp theo trang 26)

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

Địa chỉ: 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO) **Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

	<u>Dịch vụ hướng dẫn du lịch</u>		<u>Bán vé máy bay và dịch vụ hàng không</u>		<u>Dịch vụ nhà hàng, khách sạn</u>		<u>Dịch vụ vận chuyển</u>		<u>Chuyển nhượng bất động sản</u>		<u>Dịch vụ khác</u>		<u>Loại trừ</u>	<u>Tổng cộng</u>		ĐVT: triệu đồng
	2014	2013	2014	2013	2014	2013	2014	2013	2014	2013	2014	2013		2014	2013	
Từ khách hàng bên ngoài	259.448	210.039	197.069	318.839	11.123	14.039	8.477	18.927	-	14.915	10.614	10.261	-	486.731	587.019	
Giữa các bộ phận	13.705	135.843	73.825	4.054	45	705	10.580	1	-	-	-	-	(98.155)	-	-	
Tổng cộng	273.153	345.882	270.894	322.893	11.168	14.744	19.057	18.928	-	14.915	10.614	10.261	-	486.731	587.019	
Kết quả của bộ phận	17.368	16.910	4.004	4.436	4.500	4.088	1.194	1.971	-	7.406	6.898	6.523	-	33.964	41.758	
Chi phí không phân bổ														42.894	38.025	
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính														(8.929)	3.309	
Thu nhập tài chính														206	804	
Chi phí tài chính														207	393	
Thu nhập khác														8.959	3.596	
Lợi nhuận trước thuế														28	7.316	
Thuế thu nhập doanh nghiệp														4	1.851	
Lợi nhuận sau thuế														25	5.465	

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

Địa chỉ: 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

Bên cạnh những thông tin về hoạt động kinh doanh của các bộ phận dựa trên cơ cấu tổ chức hoạt động của Công ty, những dữ liệu dưới đây còn trình bày các thông tin theo khu vực địa lý là bộ phận thứ yếu.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Doanh thu	<u>Thành phố Hồ Chí Minh</u>		<u>Thành phố Hà Nội</u>		<u>Thành phố Cần Thơ</u>		<u>Thành phố Đà Nẵng</u>		<u>Loại trừ</u>		<u>ĐVT: triệu đồng</u>	
	2014	2013	2014	2013	2014	2013	2014	2013	2014	2013	2014	2013
Từ khách hàng bên ngoài	453.276	559.458	8.696	12.828	19.076	9.446	5.683	5.287	-	-	486.731	587.019
Giữa các bộ phận	91.468	132.389	2.872	3.513	437	853	3.379	3.849	(98.155)	(140.603)	-	-
Tổng cộng	544.744	691.847	11.568	16.341	19.512	10.299	9.062	9.136	(98.155)	(140.603)	486.731	587.019

Các thông tin khác

Trên 90% tài sản cố định của Công ty thuộc bộ phận thành phố Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

Địa chỉ: 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

- Trong năm, Công ty đã có giao dịch trọng yếu với các bên liên quan sau:

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn

Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả cổ tức	(305.450.000)	(600.000.000)

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chia cổ tức	610.900.000	1.200.000.000
Chi cổ tức	916.350.000	600.000.000

- Thù lao Hội đồng quản trị và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị	-	380.012.170
Thu nhập Tổng Giám đốc	311.268.000	311.268.000
Thu nhập các nhân viên quản lý chủ chốt khác	528.244.000	501.883.100
Tổng cộng	839.512.000	1.193.163.270

9. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

- Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm tiêu chuẩn ghi nhận, cơ sở đo lường, cơ sở ghi nhận doanh thu và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.13.

- Các loại công cụ tài chính

	VND	
	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	31/12/2014	01/01/2014
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.102.533.151	17.338.583.690
Phải thu khách hàng và phải thu khác	25.290.535.798	28.289.254.274
Đầu tư dài hạn khác	3.474.390.400	3.474.390.400
Tài sản dài hạn khác	716.824.400	456.824.400
Tổng cộng	45.584.283.749	49.559.052.764

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

Địa chỉ: 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công nợ tài chính

Các khoản vay	3.426.486.724	445.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	9.179.929.828	5.974.692.830
Chi phí phải trả	560.505.313	1.310.289.924
Tổng cộng	13.166.921.865	7.729.982.754

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

▪ Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

▪ Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

(Phần tiếp theo trang 30)

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

Địa chỉ: 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả.

VND

31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay	300.000.000	3.126.486.724	3.426.486.724
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	8.326.813.762	853.116.066	9.179.929.828
Chi phí phải trả	560.505.313	-	560.505.313
01/01/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay	445.000.000	-	445.000.000
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	4.261.268.764	1.713.424.066	5.974.692.830
Chi phí phải trả	1.310.289.924	-	1.310.289.924

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

VND

31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	25.290.535.798	-	25.290.535.798
Đầu tư dài hạn khác	-	3.474.390.400	3.474.390.400
Tài sản tài chính khác	-	716.824.400	716.824.400
01/01/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	28.289.254.274	-	28.289.254.274
Đầu tư dài hạn khác	-	3.474.390.400	3.474.390.400
Tài sản tài chính khác	-	456.824.400	456.824.400

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

11. CÁC THÔNG TIN THUYẾT MINH KHÁC

Công ty là bị đơn trong một vụ kiện liên quan đến yêu cầu thanh toán tiền thuê mặt bằng từ tháng 10/2007 và hoàn trả mặt bằng tại 127-129A Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện vụ kiện đang được các cơ quan chức năng thụ lý. Kết quả của vấn đề này hiện không thể xác định được và không có bất kỳ khoản dự phòng công nợ phải trả nào có liên quan được ghi nhận trong báo cáo tài chính đính kèm.

(Phần tiếp theo trang 31)

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

Địa chỉ: 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

12. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

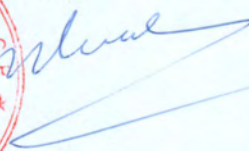
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 20 tháng 03 năm 2015.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM THỊ THÙY LINH

LÊ THỊ HOÀNG HÀ

NGUYỄN VIỆT HÙNG